Chi tiết mã HS 8714.95.10

Mã HS	8714.95.10
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Yên xe: / - - - Dùng cho xe đạp thuộc phân nhóm 8712.00.20 (SEN)
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 18:53:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/87149510/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	67.5	67,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17689
Thuế NK ưu đãi (MFN)	45	45%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17689
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17689
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	5,6	5,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	5,6	5,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	13 (-BN, ID, PH)	13% (trừ BN, ID, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		13	AC!E17009
ATIGA	2022	2022	0	AT!E16938
ATIGA	2023	2023	0	AT!F16938
ATIGA	2024	2024	0	AT!G16938
ATIGA	2025	2025	0	AT!H16938
ATIGA	2026	2026	0	AT!I16938
ATIGA	2027	2027	0	AT!J16938
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	45	AJ!E16994
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	45	AJ!F16994
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	45	AJ!G16994

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	45	AJ!H16994
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	45	AJ!I16994
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	45	AJ!J16994
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	45	VJ!E16995
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	45	VJ!F16995
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	45	VJ!G16995
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	45	VJ!H16995
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	45	VJ!I16995
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	45	VJ!J16995
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F17000
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H16955
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F16952
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G16952
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H16952
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I16952
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J16952
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K16952
VKFTA	2022	2022	5	VK!E16998
VKFTA	2023	2023	5	VK!F16998
VKFTA	2024	2024	5	VK!G16998
VKFTA	2025	2025	5	VK!H16998
VKFTA	2026	2026	5	VK!I16998
VKFTA	2027	2027	5	VK!J16998
VCFTA	2022	2022	*	VC!D17060
VCFTA	2023	2023	*	VC!E17060
VCFTA	2024	2024	*	VC!F17060

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	*	VC!G17060
VCFTA	2026	2026	*	VC!H17060
VCFTA	2027	2027	*	VC!I17060
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17036
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17036
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17036
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17036
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17036
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17036
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D17031
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E17031
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F17031
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G17031
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H17031
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I17031
EVFTA	2022	2022	28,1	EV-NK!D17061
EVFTA	2023	2023	22,5	EV-NK!E17061
EVFTA	2024	2024	16,8	EV-NK!F17061
EVFTA	2025	2025	11,2	EV-NK!G17061
EVFTA	2026	2026	5,6	EV-NK!H17061
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17061
UKVFTA	2022	2022	28,1	UKV!D17060
UKVFTA	2023	2023	22,5	UKV!E17060
UKVFTA	2024	2024	16,8	UKV!F17060
UKVFTA	2025	2025	11,2	UKV!G17060
UKVFTA	2026	2026	5,6	UKV!H17060

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17060
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	22,5	CPTPP!D17154
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	16,8	CPTPP!E17154
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	11,2	CPTPP!F17154
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	5,6	CPTPP!G17154
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17154
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17154
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17154
RCEP A	2022	2022	45	RCEPT-A!D17023
RCEP A	2023	2023	45	RCEPT-A!E17023
RCEP A	2024	2024	45	RCEPT-A!F17023
RCEP A	2025	2025	45	RCEPT-A!G17023
RCEP A	2026	2026	45	RCEPT-A!H17023
RCEP A	2027	2027	45	RCEPT-A!I17023
RCEP B	2022	2022	45	B!D17023
RCEP B	2023	2023	45	B!E17023
RCEP B	2024	2024	45	B!F17023
RCEP B	2025	2025	45	B!G17023
RCEP B	2026	2026	45	B!H17023
RCEP B	2027	2027	45	B!I17023
RCEP C	2022	2022	45	C!D17021
RCEP C	2023	2023	45	C!E17021
RCEP C	2024	2024	45	C!F17021
RCEP C	2025	2025	45	C!G17021
RCEP C	2026	2026	45	C!H17021
RCEP C	2027	2027	45	C!I17021

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	45	D!D17020
RCEP D	2023	2023	45	D!E17020
RCEP D	2024	2024	45	D!F17020
RCEP D	2025	2025	45	D!G17020
RCEP D	2026	2026	45	D!H17020
RCEP D	2027	2027	45	D!I17020
RCEP E	2022	2022	45	E!D17024
RCEP E	2023	2023	45	E!E17024
RCEP E	2024	2024	45	E!F17024
RCEP E	2025	2025	45	E!G17024
RCEP E	2026	2026	45	E!H17024
RCEP E	2027	2027	45	E!I17024
RCEP F	2022	2022	45	F!D17023
RCEP F	2023	2023	45	F!E17023
RCEP F	2024	2024	45	F!F17023
RCEP F	2025	2025	45	F!G17023
RCEP F	2026	2026	45	F!H17023
RCEP F	2027	2027	45	F!I17023
VIFTA	2024	2024	*	VI!F15966
VIFTA	2025	2025	*	VI!G15966
VIFTA	2026	2026	*	VI!H15966
VIFTA	2027	2027	*	VI!I15966

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Phương tiện QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.II)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AJCEP 45%, RCEP (Phụ lục A) 45%, RCEP (Phụ lục B) 45%, RCEP (Phụ lục C) 45%, RCEP (Phụ lục D) 45%, RCEP (Phụ lục E) 45%, RCEP (Phụ lục F) 45%, VJEPA 45%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (45%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 45%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8714.95 có 2 dòng thuế; dòng 8714.95.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dùng cho xe đạp thuộc phân nhóm 8712.00.20 (SEN).	8714.95.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8714.95.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 45% của mã 8714.95.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17689), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Phương tiện QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.II)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.